II. CÁC CHẤT MA TÚY

Danh mục các chất ma túy tiền chất và các chất khác

63	Codoxim	Dihydrocodeinone-6-cacboxymethyloxime

101	Morphine-N-oxide	3,6-dihydroxy-N-methyl-4,5-epoxy-morphinan-7N-oxide

[redacted]

III. MỘT SỐ HÓA CHẤT CÓ TÍNH ĐỘC HẠI MẠNH

(Công văn số 1054/BKHCNMT-TĐC ngày 27/4/1999 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

4	Sulfur mustards:
	2-Chloroethylchloromethylsulfide, (2625-76-5)
	Mustard gas: Bis(2-chloroethyl)sulfide, (505-60-2),Bis(2-chloroethylthio) methane, (63869-13-6)
	Sesquimustard: 1,2-Bis(2-chloroethylthio)ethane, (3563-36-8)
	1,3-Bis(2-chloroethylthio)-n-propane, (63905-10-2)
	1,4-Bis(2-chloroethylthio)-n-butane, (142868-93-7)
	1,5-Bis(2-chloroethylthio)-n-pentane, (142868-94-8)
	Bis(2-chloroethylthiomethyl) ether, (63918-90-1)
	O-Mustard : Bis(2-chloroethylthioethyl) ether, (63918-89-8)
5	Lewisites:
	Lewisite 1: 2-chlorovinyldichloroarsine, (541-25-3)
	Lewisite 2: Bis(2-chlorovinyl)chloroarsine,(40334-69-8)
	Lewisite 3: Tris(2-chlorovinyl) arsine, (40330-70-1)
6	Nitrogen mustards:
	HN1: Bis(2-chloroethyl) ethylamine, (538-07-8)
	HN2: Bis(2-chloroethyl) methylamine, (51-75-2)
	HN3: Tris(2-chloroethyl) amine, (555-77-1)
7	Saxitoxin, (35523-89-8)
8	Ricin, (9009-86-3)
9	Alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonyldifluorides
10	O-Alkyl (H hoặc ≤ C10, gồm cả cycloalkyl) 0-2-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr)-aminoethyl alkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphonites và các muối alkylat hoặc protonat tương ứng
11	Chlorasine: O-Isopropyl methylphosphonochloridate, (1445-76-7)
12	Chlorosoman: O-Pinacolyl ethylphosphonochloridate, (7040-57-5)
13	Amiton: O,O-Diethyl S-[2-(diethylamino)ethyl] phosphorothiolate, (78-53-5) và các muối alkyl hoặc protonat tương ứng
14	PFIB: 1,1,3,3,3-Pentafluoro-2-(trifluoromethyl)-1-propene, (382-21-8)
15	BZ: 3-Quinuclidinyl beilate, (6581-06-2)
16	Methylphosphonyl dichloride, (676-97-1), Dimethyl methylphosphonate, (756-79-6)
17	N,N-Dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphoramidic dihalides
18	Diakyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) N,N-dialkyl (Me, Et, n-Pr hoặc i-Pr) phosphoramidates
19	2,2-Diphenyl-2-hydroxyaxetic acid, (76-93-7)
20	Quinuclidine-3-ol, (1619-34-7)
21	N,N-Dialyl (Me. Et, n-Pr hoặc i-Pr) aminoethyl-2-ols và các muối protonat tương ứng
22	N,N-Dialyl (Me. Et, n-Pr hoặc i-Pr) aminoethane-2-thiols và các muối protonat tương ứng
23	Thiodiglycol: Bis (2-hydroxyethyl) sulfide, (111-48-8)
24	Pinacolyl alcohol: 3,3-Dimethylbutane-2-ol, (464-07-3)
25	Phosgene: Carbonyl dichloride, (75-44-5)
26	Chloropicrin: Trichloronitromethane, (76-06-2)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

IV. CÁC HIỆN VẬT THUỘC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA, BẢO TÀNG

(Công văn số 1723/VHTT-PC ngày 07/5/1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin)

1. Tài liệu, hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa được lưu giữ, bảo quản tại các di tích, bảo tàng, nhà lưu niệm danh nhân.
2. Tài liệu về cổ sinh vật học, nhân chủng học, hiện vật khảo cổ học bằng mọi chất liệu, mọi loại hình.
3. Bia ký, gia phả, tiền cổ.

V. CÁC SẢN PHẨM VĂN HÓA PHẢN ĐỘNG, ĐỒI TRỤY, MÊ TÍN DỊ ĐOAN HOẶC CÓ HẠI TỚI GIÁO DỤC NHÂN CÁCH

Sách, báo, tạp chí, tranh ảnh, lịch, áp phích, catalo, tờ rời, tờ gấp, truyền đơn, khẩu hiệu, câu đối, cuốn thư, các loại băng đĩa ghi âm, ghi hình, phim (bao gồm cả phim nhựa và video), ảnh, mỹ thuật ứng dụng và các tài liệu, sản phẩm văn hóa khác có nội dung phản động, đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục nhân cách.

VI. THUỐC LÁ ĐIẾU SẢN XUẤT TẠI NƯỚC NGOÀI

1. Thuốc lá điếu có đầu lọc.
2. Thuốc lá điếu không đầu lọc (kể cả xì gà).
3. Các sản phẩm thuốc lá không sản xuất từ lá cây thuốc lá.

VII. CÁC LOẠI PHÁO

1. Các loại pháo nổ.
2. Các loại pháo hoa:
   - Pháo hoa trên không.
   - Pháo bông, cây bông dưới mặt đất.
3. Các loại pháo dây, pháo bướm, pháo chuột...
4. Các loại pháo khác có sử dụng chất cháy, chất dẫn cháy.

VIII. CÁC LOẠI THUỐC PHÒNG BỆNH, CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI VÀ GIA SÚC, THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT VÀ CÁC LOẠI TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ Y TẾ CHƯA ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

A. Thuốc phòng chữa bệnh cho người:

A1. Danh mục nguyên liệu làm thuốc và thành phẩm thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người cấm nhập khẩu:

1. Amphetamine
2. Ampletamine
3. Anileridine
4. Chlormezanone
5. Cyclobarbital
6. Dexamfetamine
7. Dexfenfluramine
8. Diacetylmorphine

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

9. Erythromycin dạng muối estolat
10. Fenetylline
11. Fenfluramine
12. Glafenin
13. Levamphetamine
14. Levamisol
15. Levomethamphetamine
16. Mecloqualone
17. Metamphetamine
18. Methaqualone
19. Methylphenidate
20. Pemoline
21. Phenacetin
22. Phenmetrazine
23. Phenolphtalein
24. Pininodin
25. Pipradol
26. Pratolol
27. Pyramidon
28. Santonin
29. Secobarbital
30. Zomepirac

A2. Thuốc dùng cho người:

Các loại thuốc phòng và chữa bệnh cho người chưa được Bộ Y tế cho phép lưu hành tại Việt Nam.

B. Dụng cụ y tế chưa được phép sử dụng:

1. Các loại dụng cụ và thiết bị kích dục.

2. Các loại dụng cụ và thiết bị y tế chưa được Bộ Y tế cho phép lưu hành.

C. Thuốc thú y:

Các loại thuốc thú y chưa được phép sử dụng tại Việt Nam bao gồm các loại thuốc chưa có tên trong các Danh mục ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 57/1999/QĐ-BNN-TY ngày 30/3/1999 :

1. Danh mục thuốc thú y được phép sản xuất.
2. Danh mục thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y được phép nhập khẩu.
3. Danh mục thuốc thú y được phép xuất khẩu.

D. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trong nông nghiệp ở Việt Nam

(Quyết định số 29/1999/QĐ-BNN-BVTV ngày 04/2/1999 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số thứ tự	Tên chung (Common names) - Tên thương mại (Trade name)
I	**Thuốc trừ sâu - Insecticides:**
1	Aldrin (Aldrex, Aldrite...)
2	BHC, Lindane (Gamma - HCH, Gamatox 15 EC, 20EC, lindafox, Carbadan 4/4 G, Sevidol 4/4 G...)
3	Cadmium compound (Cd)
4	Chordane (Chlorotox, octachlor, pentichlor...)
5	DDT (Neocid, Pentachlorin, Chlorophenothane...)
6	Dieldrin (Dieldrex, Dieldrite, Octalox...)
7	Eldrin (Hexadrin...)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

8	Heptachlor (Drimex, Heptamul, Heptox...)
9	Isobenzen
10	Isodrin
11	Lead compound (Pb)
12	Methamidophos: (Dynamite 50SC, Filitox 70 SC, Master 50EC, 70 SC, Monitor 50 EC, 60 SC, Isometha 50 DD, 60DD, Isosuper 70 DD, Tamaron50EC)
13	Methy Parathion (Danacap M 25, m40; Folidol - M50EC; Isomethy 50 ND)
14	Metaphos 40 EC, 50 EC; (Methyl parathion) 20EC, 40EC, 50EC; Milion 50EC; Proteon 50EC; Romethyl 50 ND, Wofatox 50 EC) Monocrotophos: (Apadrin 50 SL, Magic 50SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50SCW/DD, thunder 515DD)
15	Parathion Ethyl (Alkexon, Orthophos...)
16	Phosphamidon (Dimecron 50 SCW /DD)
17	Polychlorocamphene (Toxaphene, Camphechlor...)
18	Strobane (Polychlorinate of camphene)
II	**Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicides:**
1	Arsenic compound (As) except Neo - Asozin, Dinasin
2	Captan (Captane 75 WP, Merpan 75 WP...)
3	Catapol (Difolatal 80 WP, Folicid 80 WP...)
4	Hexachlorobenzene (Anticaric, HCB...)
5	Mercury compound (Hg)
6	Selenium compound (Se)
III	**Thuốc trừ chuột - Rodenticide:**
1	Talium compound (T1)
IV	**Thuốc trừ cỏ - Herbicide:**
1	2.4.5 T (Brochtox, Decamine, Veon...)

IV. THỰC VẬT, ĐỘNG VẬT HOANG DÃ THUỘC DANH MỤC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ QUY ĐỊNH MÀ VIỆT NAM THAM GIA KÝ KẾT VÀ CÁC LOẠI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT QUÝ HIẾM KHÁC CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ

1. Danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm

(ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng - nay là Chính phủ)

NHÓM I

IA. Thực vật rừng:

Số thứ tự	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Ghi chú
1	Bách xanh	Calocedrus macrolepis	
2	Thông đỏ	Taxus chinensis	
3	Phỉ ba mũi	Cephalotaxus fortunei	
4	Thông tre	Podacarpus neirrifolius	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5	Thông Pà cò	Pinus kwangtugensis	
6	Thông Đà Lạt	Pinus dalatensis	
7	Thông nước	Glyptostrobus pensilis	
8	Hinh đá vôi	Keteleria calcarea	
9	Sam bông	Amentotaxus argotenia	
10	Sam lạnh	Abies nukiangensis	
11	Trầm (gió bầu)	Aquilaria crassna	
12	Hoàng đàn	Cupressus torulosa	
13	Thông 2 lá dẹt	Ducampopinus kempfii	

I B. Động vật rừng:

1	Tê giác 1 sừng	Rhinoceros sondaicus	
2	Bò tót	Bos gaurus	
3	Bò xám	Bos sauveli	
4	Bò rừng	Bos banteng	
5	Trâu rừng	Bubalus bubalis	
6	Voi	Elephas maximus	
7	Cà tong	Cervus eldi	
8	Hươu vàng	Cervus porcinus	
9	Hươu sạ	Moschus moschiferus	
10	Hổ	Panthera tigris	
11	Báo hoa mai	Panthera pardus	
12	Báo gấm	Neofelis nebulosa	
13	Gấu chó	Helarctos malayanus	
14	Voọc xám	Trachipithecus phayrei	
15	Voọc mũi hếch	Rhinipithecus avunculus	
16	Voọc ngũ sắc		
	- Voọc ngũ sắc Trung bộ	Pygathrix nemaeus	
	- Voọc ngũ sắc Nam bộ	Pygathrix nigripes	
17	Voọc đen:		
	- Voọc đen má trắng	Presbytis francoisi francoisi	
	- Voọc đầu trắng	Presbytis francoisi poliocephalus	
	- Voọc mông trắng	Presbytis francoisi delacouri	
	- Voọc Hà Tĩnh	Presbytis francoisi hatinhensis	
	- Voọc đen Tây Bắc	Presbytis francoisi sp	
18	Vượn đen:		
	- Vượn đen	Hylobates concolor concolor	
	- Vượn đen má trắng	Hylobates concolor leucogenis	
	- Vượn tay trắng	Hylobates lar	
	- Vượn đen má trắng Nam bộ	Hylobates concolor gabrienlae	
19	Chồn mực	Arcticsis binturong	
20	Cầy vằn	Chrotogale owstoni	
21	Cầy gấm	Prionodon pardicolor	
22	Chồn dơi	Galeopithecus temminckii	
23	Cầy vàng	Martes flavigula	
24	Culi lùn	Nycticebus pigmaeus	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

25	Sóc bay:		
	- Sóc bay sao	Petaurista elegans	
	- Sóc bay trâu	Petaurista lylei	
26	Sóc bay:		
	- Sóc bay nhỏ	Belomys	
	- Sóc bay lông tai	Belomys pearsoni	
27	Sói Tây Nguyên	Canis aureus	
28	Công	Pavo muticus imperator	
29	Gà lôi:		
	- Gà lôi	Lophura diardi	
	- Gà lôi lam mào đen	Lophura imperialis Delacouri	
	- Gà lôi lam mào trắng	Lophura diardi Bonaparte	
30	Gà tiền:		
	- Gà tiền	Polyplectron bicalcaratum	
	- Gà tiền mặt đỏ	Polyplectron germaini	
31	Trĩ sao	Rheinarctia ocellata	
32	Sếu cổ rụt	Grus antigol	
33	Cá sấu nước lợ	Crocodylus porosus	
34	Cá sấu nước ngọt	Crocodylus siamensis	
35	Hổ mang chúa	Ophiogus hannah	
36	Cá cóc Tam Đảo	Paramesotriton deloustali	

NHÓM II

II A . Thực vật rừng:

1	Cẩm lai		
	Cẩm lai Bà Rịa	Dalbergia bariaensis	
	Cẩm lai	Dalbergia oliverrii Camble	
	Cẩm lai Đồng lai	Dalbergia dongnaiensis	
2	Cà te (Gõ đỏ)	Afzelia xylocarpa	
3	Gụ		
	Gụ mật	Sindora cochinchinensis	
	Gụ lau	Sindora tonkinensis A/Chev	
4	Giáng hương		
	Giáng hương	Pterocarpus pedatus Pierre	
	Giáng hương Cambốt	Pterocarpus cambodianus Pierre	
	Giáng hương mắt chim	Pterocarpus indicus Willd	
5	Lát		
	Lát hoa	Chukrasia tabularis A.Juss	
	Lát da đồng	Chukrasia sp.	
	Lát chun	Chukrasia sp.	
6	Trắc		
	Trắc	Dalbergia cochinchinensis Pierre	
	Trắc dây	Dalbergia annamensis	
	Trắc Cambốt	Dalbergia cambodiana Pierre	
7	Pơ mu	Fokienia hodginssi A.Henry et Thomas	
8	Mun	Diospyros mun H.Lee	
	Mun	Diospyros sp.	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

	Mun sọc	Markhamia pierrei	
9	Đinh	Madhuca pasquieri	
10	Sến mật	Burretiodendron hsienmu	
11	Nghiến	Erythrophloeum fordii	
12	Lim xanh	Podocarpus fleuryi	
13	Kim giao	Rauwolfia verticillata	
14	Ba gạc	Morinda officinalis	
15	Ba kích	Lilium brownii	
16	Bách hợp	Panax vietnamensis	
17	Sâm ngọc linh	Amomum longiligulare	
18	Sa nhân	Amomum tsaoko	
19	Thảo quả		

II B. Động vật rừng:

1	Khỉ		
	- Khỉ cộc	Macaca arctoides	
	- Khỉ vàng	Macaca mulatta	
	- Khỉ mốc	Macaca assamensis	
	- Khỉ đuôi lợn	Macaca nemestrina	
2	Sơn dương	Capricornis sumatraensis	
3	Mèo rừng	Felis bengalensis	
		Felis marmorata	
		Felis temminckii	
4	Rái cá	Lutra lutra	
5	Gấu ngựa	Selenarctos thibetanus	
6	Sói đỏ	Coun alpinus	
7	Sóc đen	Ratufa bicolor	
8	Phượng hoàng đất	Buceros bicornis	
9	Rùa núi vàng	Indotestudo elongata	
10	Giải	Pelochelys bibroni	

2. Danh mục động, thực vật hoang dã có tại Việt Nam và có tên trong Phụ lục I - CITES, cấm xuất khẩu

(kèm theo Thông tư hướng dẫn số 04/LN-KL ngày 05/2/1996)

2.1. Động vật:

2.1a. Thú:

1	Voọc ngũ sắc	Pygathrix nemaeus	
2	Vượn đen	Hylobates concolor	
3	Vượn tay trắng	Hylobates lar	
4	Gấu chó	Helarctos malayanus	
5	Gấu ngựa	Selenarctor thibetanus	
6	Rái cá thường	Lutra lutra	
7	Cầy gấm	Prionodon pardicolor	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

8	Mèo rừng	Felis bengalensis	
9	Mèo gấm	Felis marmorata	
10	Beo	Felis temminckii	
11	Báo gấm	Neofelis nebulosa	
12	Hổ	Panthera tigris	
13	Báo	Panthera pardus	
14	Voi	Elephas maximus	
15	Cà toong	Cervus eldi	
16	Hươu vàng	Cervus porcinus	
17	Hươu xạ	Moschus berezovski	
18	Bò xám	Bos sauveli	
19	Bò tót	Bos gaurus	
20	Sao la	Pseudoryx nghetinhensis	
21	Mang lớn	Megamuntiacus vuquangensis	
22	Sơn dương	Capricornis sumatraensis	
23	Cá heo	Lipotes vexillifer	
24	Cá voi xanh	Balaenoptera musculus	
25	Cá ông sư	Neophocaena phocaenoides	
26	Cá nàng tiên	Dugong dugon	

2.1b. Chim:

Số thứ tự	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Ghi chú
1	Cốc biển bụng trắng	Fregata andrewsi	
2	Cò lạo xám	Mycteria cinerea	
3	Ngan cánh tráng	Cairina scutulata	
4	Đại bàng đầu nâu	Aquila heliaca	
5	Cắt lớn	Flco peregrinus	
6	Gà lôi lam mào trắng	Lophura edwardsi	
7	Gà lôi lam màu đen	Lophura imperialis	
8	Trĩ sao	Rheinartia ocellata	
9	Sếu sám	Grus nigricollis	
10	Ô tác	Lupodotis bengalensis	
11	Choắt mỏ vàng	Tringa guttifer	
12	Niệc cổ hung	Aceros nipalensis	
13	Hồng hoàng	Buceros bicornis	
14	Bồ câu nicoba	Caloenas nicobarica	

2.1c. Bò sát:

1	Rùa da	Dermochelys coriacea	
2	Đồi mồi	Eretmochelys imbricata	
3	Cá sấu hoa cà	Crocodylus porosus	Nước lợ
4	Cá sấu xiêm	Crocodylus siamensis	nước ngọt
5	Trăn đất	Python molurus	
6	Đồi mồi dứa	Chelonia mydas	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2.1d. Cá:

1	Cá formo	Seleropages formosus	
2	Cá sóc	Probarbus jullieni	
3	Cá tra dầu	Pangasianodon gigas	

2.1e. Nhuyễn thể:

1	Ốc sên	Achetinella	

2.2. Thực vật:

1	Bách tán	Araucaria araucana	
2	Lan hài	Paphiopedilum spp	
3	Lan Pharagmi	Phragmipedium spp	

3. Một số loài động vật hoang dã là thiên địch của chuột
(trừ trường hợp có nguồn gốc gây nuôi sinh sản, nhân giống phát triển tại trại)

3.1. Rắn:

Số thứ tự	Tên phổ thông	Tên khoa học	Phân bổ	Mức độ ăn chuột	Khả năng nuôi nhân giống
1	Rắn dọc dưa (Rắn bắt chuột)	Elaphe radiata	Phân bổ toàn Việt Nam, đồng bằng nông thôn, trung du, miền núi	+ + +	Không
2	Rắn ráo thường	Ptyas korros	Phổ biến toàn Việt Nam, đồng bằng trung du phong phú	(*)	Không
3	Rắn ráo trâu	Ptyas mucosus	Phổ biến toàn Việt Nam, đồng bằng trung du phong phú	+ + +	Không
4	Rắn hổ mang thường (Hổ phì)	Naja naja (Rắn độc)	Phổ biến toàn Việt Nam, từ vùng núi đến đồng bằng	(*)	Có
5	Rắn cạp nong (Rắn đen vàng)	Bungarus fasciatus (Rắn độc)	Phổ biến toàn Việt Nam, vùng đồng bằng ướt	(*)	Có
6	Giống rắn lục (Một số loài)	Trimeruxurus (Rắn độc)	Phổ biến toàn Việt Nam, trung du khô hạn đến đồng bằng ẩm cây bụi	(*)	Không
7	Trăn đất (Trăn mốc)	Python molurus bivittatus	Phổ biến toàn Việt Nam, nhưng chủ yếu ở Trung và Nam bộ	(*)	Rất tốt
8	Trăn hoa (Nưa)	Python reticulatus	Phổ biến ở Trung bộ trở vào Nam, rất thích hợp với Nam bộ	(*)	Rất tốt

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3.2. Chim:

Số thứ tự	Tên phổ thông	Tên khoa học	Phân bổ	Mức độ ăn chuột	Khả năng nuôi nhân giống
9	Cú lợn trắng (Chim lợn) (Bộ Cú)	Tyto alba	Phổ biến ở các thành phố, thị xã trên toàn quốc	+ + +	Không
10	Cú lợn vằn	Tyto capensis	Phổ biến ở vùng trung du toàn quốc	+ + +	Không
11	Cú mèo (Bộ Cú)	Otus bakkamoena	Phổ biến toàn quốc	+ + +	Không
12	Giống thù thì (Dù dì) (Bộ Cú)	Ketupa	Vùng núi và trung du toàn quốc Phân bổ rộng toàn quốc	(*)	Không
13	Cú vọ lưng nâu (Bộ Cú)	Ninox scutulata	Chủ yếu ở đồng bằng và trung du	+ + +	Không
14	Nhiều loại cắt, diều hâu (Bộ Diều)	Họ Falconidae	Toàn Việt Nam, mùa đông xuất hiện nhiều ở vùng đồng bằng, trung du	(*)	Không
15	Diệc xám (Bộ Cò)	Ardea cinerea	Nhiều cá thể mùa đông di trú về Việt Nam, phổ biến ở đồng bằng trung du miền núi toàn Việt Nam	(*)	Không
16	Mèo rừng (3 loài) (Bộ ăn thịt)	1. Felis bengalensis 2. Felis chaus 3. Felis marmorata		+ + +	Không
17	Triết bụng vàng (Bộ ăn thịt)	Mustela kathiah	Phổ biến rộng ở Việt Nam, mọi vùng	(*)	Không
18	Triết chỉ lưng (Bộ ăn thịt)	Mustela strigidosa	Phổ biến cả nước, Trung và Nam nhiều hơn	(*)	Không
19	Cầy hương (Bộ ăn thịt)	Viverricula indica	Phổ biến toàn quốc trung du nhiều	(*)	Có thể

Ghi chú: - Chuột là thức ăn chính: + + +
- Ăn nhiều chuột: (*)

X. MỘT SỐ LOẠI ĐỒ CHƠI TRẺ EM CÓ HẠI TỚI GIÁO DỤC NHÂN CÁCH, SỨC KHỎE CỦA TRẺ EM HOẶC TỚI AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

1. Các loại đồ chơi có hình dáng giống như các loại súng:

- Súng nén bằng hơi hoặc bằng lò-xo bắn đạn nhựa hoặc các loại đạn khác.

- Súng bắn nước, hơi nước; súng bắn phát quang hoặc bắn gây tiếng nổ.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

2. Các loại đồ chơi có hình dáng giống các loại vũ khí khác:

- Giống lựu đạn, bom, mìn, bộc phá.

- Giống kiếm, mác, lê, dao găm, cung nỏ (làm bằng các loại vật liệu kể cả gỗ, tre, giấy nén...).

3. Các loại pháo: pháo nổ, pháo hoa, pháo đập, đạn đập làm bằng thuốc pháo hoặc bằng các loại vật liệu khác có thể gây cháy, bỏng.

4. Các loại đồ chơi ảo.

5. Các loại đồ chơi dưới dạng văn hóa phẩm (ấn phẩm, băng, đĩa), các loại đồ chơi điện tử có hình ảnh, âm thanh, hành động mô tả cảnh đánh nhau, giết người dã man hoặc những hành động xúc phạm nhân phẩm, phá hoại môi trường có hại về thẩm mỹ và giáo dục trẻ em.

6. Các phần mềm vi tính trò chơi điện tử có nội dung kích động bạo lực, mại dâm.

7. Các loại đồ chơi dùng điện có điều khiển từ xa có thể gây nhiễu cho các đồ dùng, trang thiết bị khác hoặc không bảo đảm an toàn cho trẻ em.

8. Các loại đồ chơi có sử dụng quốc kỳ, bản đồ Việt Nam, ảnh lãnh tụ không đúng với quy định, có mục đích xấu.

Phần thứ hai

HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HẠN CHẾ KINH DOANH

Mục 1. LOẠI ĐẶC BIỆT HẠN CHẾ KINH DOANH

I. Hàng hóa có chứa chất phóng xạ và thiết bị phát bức xạ i-on hóa

(Công văn số 2426/BKHCNMT-PC ngày 11/9/1999 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường)

1. Các loại nguồn phóng xạ sử dụng vào mục đích như: sản xuất điện năng, chiếu xạ để bảo quản lương thực, thực phẩm và hàng hóa, diệt khuẩn để bảo vệ thực vật và phòng khám bệnh, tiệt trùng dụng cụ y tế, biến tính vật liệu, gây đột biến sinh học, dùng trong các thiết bị chụp ảnh công nghiệp, thiết bị kiểm tra không phá mẫu (NDT), dùng trong các thiết bị đo giếng khoan phục vụ thăm dò khảo sát địa chất (thăm dò khoáng sản, dầu mỏ...), dùng trong các thiết bị đo lường tự động của dây chuyền sản xuất, cơ sở nghiên cứu, dùng trong thiết bị nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, dùng trong ngành y tế để khám và chữa bệnh..., đồ chơi trẻ em có chất phóng xạ, đá quý đã qua xử lý chiếu xạ...

2. Các chất thải phóng xạ.

3. Monazite từ sa khoáng.

4. Các quặng phóng xạ.

5. Các vật liệu hạt nhân.

6. Các thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ vào mọi mục đích như: lò phản ứng hạt nhân, thiết bị chiếu xạ, thiết bị trong lĩnh vực kiểm tra không phá mẫu (NDT), thiết bị đo giếng khoan phục vụ thăm dò khảo sát địa chất (thăm dò khoáng sản, dầu mỏ...), thiết bị đo mức. đo mật độ, chiều dầy vật liệu... trong các dây chuyền sản xuất, cơ sở nghiên cứu, các thiết bị nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các thiết bị dùng để chữa bệnh trong ngành y tế như thiết bị xạ trị, thiết bị xạ trị áp sát..., các thiết bị báo cháy, chống sét dùng nguồn phóng xạ...

7. Các thiết bị phát xạ ion hóa sử dụng vào mục đích như: máy gia tốc phục vụ nghiên cứu khoa học, sản xuất đồng vị phóng xạ, chữa bệnh trong y tế; các máy phát tia X: máy chụp X-quang cắt lớp, máy chiếu, chụp X-quang để chẩn đoán bệnh trong y tế, máy phát tia X để chữa bệnh, máy chụp X-quang công nghiệp trong lĩnh vực kiểm tra không phá mẫu (NDT), máy X-quang để kiểm tra hàng hóa tại các sân bay, hải cảng..., thiết bị phân tích bằng phương pháp huỳnh quang-tia X dùng trong phân tích xác định tuổi của vàng...

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0906 1279

II. Vật liệu nổ

1. Vật liệu nổ công nghiệp.
2. Vật liệu nổ dùng cho quốc phòng, an ninh.

[redacted]

13*	IsoPropanol	$CH_3CHOHCH_3$		
14*	Amiang nguyên liệu			
15*	Selen và hợp chất	Se		
16*	Cadmium và hợp chất	Cd		
17	Talium	Tl		
18*	Xylen	$C_6H_4(CH_3)_2$		

54	Dimetyl focmanit	$HCO\text{-}N < {CH_3 \atop CH_3}$	0,001	
55	Diclobenzen	$C_6H_4Cl_2$		
56	Dinitroclobenzen	$C_6H_3 < {(NO_2)_2 \atop Cl}$	0,001	
57	Dinitrotoluen	$(NO_2)_2C_6H_3\text{-}CH_3$	0,001	

78. Pentazocine
79. Pentobarbital
80. Phencyclidine
81. Phendimetrazine
82. Phenmetrazine
83. Phenobarbital
84. Phentermine
85. Pinazepam
86. Pipradrol
87. PMA
88. Prazepam
89. Psilocine, Psilotsine
90. Psilosybine
91. Pyrovalerone
92. Rolicyclidine
93. Secbutabarbital
94. Secobarbital
95. STP, DOM
96. Temazepam
97. Tenamphetamine
98. Tenocycline
99. Tetrahydro-canabinol
100. Tetrazepam
101. TMA
102. Triazolam
103. Vinylbital

3. Các tiền chất:

1. Ephedrine
2. Ergometrino
3. Ergotamin
4. Lysergic acid
5. 1-phenyl-2-propanone
6. Pseudoephedrine
7. N- acetylanthranilic acid
8. Isosafrole
9. 3,4methylenedioxyphenyl-2-propanone
10. Piperonal
11. Saifrol

4. Các loại thuốc khác:

- Thuốc dùng cho người và các loại vắcxin, sinh phẩm miễn dịch đã được Bộ Y tế cấp Số đăng ký lưu hành toàn quốc.

- Thuốc nước ngoài chưa được Bộ Y tế cấp Số đăng ký được nhập khẩu theo giấy phép chuyên ngành.

B. Trang thiết bị, dụng cụ y tế

1. Thiết bị chẩn đoán hình ảnh y tế:

- Máy MRI
- Máy CT- Scanner
- Máy Grammar Camera
- Máy Angiography
- Máy Mammography
- Máy X-quang các loại
- Máy siêu âm mầu, DOPPLER
- Máy siêu âm đen/trắng DOPPLER
- Thiết bị nội soi:

+ Dạ dày
+ Đường hô hấp
+ Đại tràng
+ Ổ bụng.

2. Thiết bị thăm dò chức năng:

- Máy đo chuyền hóa cơ bản
- Máy điện não (EEG)
- Máy điện tim, máy gắng sức
- Máy điện cơ (MG)
- Máy điện võng mạc.

3. Thiết bị hồi sức cấp cứu và thiết bị phòng mổ:

- Máy phá rung tim
- Máy giúp thở
- Máy gây mê
- Máy hút
- Thiết bị chỉnh hình
- Bàn mổ
- Đèn mổ
- Dao mổ laser, dao mổ điện
- Các thiết bị mổ chuyên khoa (tim, não...).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09661279

4. Thiết bị phòng thí nghiệm:

- Máy xét nghiệm sinh hóa
- Các loại kính hiển vi phẫu thuật và kính hiển vi nhãn khoa
- Các loại máy điện di
- Máy xét nghiệm huyết học
- Các thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất vắcxin và bảo quản vắcxin, máu.

5. Thiết bị xạ trị, vật lý trị liệu và phục hồi chức năng:

- Máy gia tốc tuyến tính
- Máy Coban
- Máy X-quang điều trị
- Máy siêu âm điều trị
- Máy phá sỏi ngoài cơ thể
- Các thiết bị vật lý trị liệu:

+ Từ trị liệu
+ Điện trị liệu
+ Nhiệt trị liệu
+ Sóng ngắn trị liệu
+ Thủy trị liệu.

6. Các thiết bị chuyên khoa:

- Sản
- Nhi
- Mắt
- Tai - Mũi - Họng
- Răng - Hàm - Mặt.

7. Các loại thiết bị khác:

- Hệ thống khí y tế
- Hệ thống tiệt trùng.

V. DỊCH VỤ GIẾT MỔ GIA SÚC

1. Xí nghiệp, lò mổ gia súc.

2. Dịch vụ dự trữ gia súc cho các xí nghiệp, lò mổ gia súc.

Mục 2. LOẠI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN THƯƠNG NHÂN PHẢI ĐẢM BẢO CÁC ĐIỀU KIỆN QUY ĐỊNH NHƯNG KHÔNG CẦN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

I. Vàng.

Các loại vàng không thuộc loại vàng tiêu chuẩn quốc tế theo quy định tại Nghị định của Chính phủ số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998:

1. Vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng lá.

2. Vàng trang sức (nhẫn, vòng, dây, hoa tai, trâm cài, ve cài áo...).

3. Vàng mỹ nghệ (tượng, khung, tranh ảnh, cúp, huy chương, huy hiệu và các sản phẩm mỹ nghệ khác làm bằng vàng hoặc mạ vàng).

II. Đá quý.

Bao gồm các loại đá quý sau tồn tại dưới các dạng nguyên liệu thô, đã được gia công chế tác hoặc sử dụng làm hàng trang sức, hàng mỹ nghệ:

1. Nhóm 1: Kim cương, Ruby, Sa phia, Emơrôt.

2. Nhóm 2: các loại đá quý khác.

III. Thực phẩm tươi sống và chế biến.

1. Gia súc, gia cầm dưới các dạng: con sống, thịt tươi sống, sơ chế hoặc chế biến ra bán thành phẩm hoặc thành phẩm sử dụng được ngay.

2. Thủy hải sản các loại dưới các dạng: con sống, thịt tươi sống, sơ chế hoặc chế biến ra bán thành phẩm hoặc thành phẩm sử dụng được ngay.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3. Rau, quả các loại dưới các dạng: rau quả tươi, sơ chế hoặc tinh chế để sử dụng được ngay.

IV. Vật liệu xây dựng.

1. Xi măng các loại.

2. Vôi xây dựng các loại.

3. Gạch xây, gạch ốp lát và ngói lợp, tấm lợp, amiăng-xi măng, tấm lợp kim loại, sắt thép, ống thép các loại, đá cát sỏi, bê tông đúc sẵn, kính xây dựng.

4. Gỗ xây dựng các loại, tràm, cừ, tre, nứa, lá, tấm lợp nhựa, ống nhựa, cót ép, giấy dầu.

5. Phụ gia xây dựng các loại, sơn các loại.

V. Than mỏ.

Bao gồm các loại than mỏ dưới dạng nguyên khai hoặc thương phẩm sau:

1. Than Antraxit, bán Antraxit.

2. Than mỡ.

3. Than nâu.

VI. Dịch vụ cầm đồ.

Cửa hàng, cửa hiệu cầm đồ.

VII. Dịch vụ ăn uống.

1. Nhà hàng ăn uống:

- Nhà hàng chuyên doanh ăn.

- Nhà hàng chuyên doanh uống.

- Nhà hàng ăn uống.

- Nhà hàng ăn uống đặc sản.

2. Quán ăn uống bình dân:

- Quán ăn uống bình dân.

- Quán giải khát.

- Cửa hàng ăn uống bình dân.

BỘ XÂY DỰNG

THÔNG TƯ số 01/2000/TT-BXD ngày 01/3/2000 hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án đầu tư và xây dựng và đăng ký hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

Bộ Xây dựng hướng dẫn các hình thức quản lý thực hiện dự án và đăng ký hoạt động xây dựng như sau:

I. CÁC HÌNH THỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

1. Các hình thức quản lý thực hiện dự án:

1.1. Theo quy định tại Điều 59 của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng 52/CP): Tùy theo quy mô, tính chất của dự án và năng lực của mình, Chủ đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau đây để quản lý thực hiện dự án:

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án;

- Chủ nhiệm điều hành dự án;

- Chìa khóa trao tay;

- Tự thực hiện dự án.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com